

Số: /QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Có chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (Certification of organic agriculture products) phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17065: 2012 và TCVN 12134: 2017 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức Chứng nhận mang số hiệu: **VICAS 074 - ORGANIC**.

Điều 3: Tổ chức Chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trước khi cung cấp dịch vụ chứng nhận, Tổ chức chứng nhận phải đáp ứng đủ các điều kiện để được cung cấp dịch vụ chứng nhận theo các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 01 năm 2024 đến ngày tháng 01 năm 2029. Tổ chức Chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 6: Quyết định này thay thế Quyết định số 42.2021/QĐ-VPCNCL ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Đơn vị có tên tại Điều 1;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

Trần Thị Thu Hà



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng năm 2024
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Tiếng Anh/ in English: VIETNAM CERTIFICATION CENTRE

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 074 – ORGANIC

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tel: +84 24 3756 1025

Fax: +84 24 3756 3188

Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh/ Representative office in Ho Chi Minh city:

Số 40 Nguyễn Hiến Lê, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: +84 28 3812 1033

Fax: +84 28 3812 1032

Văn phòng đại diện tại thành phố Hải Phòng/ Representative office in Hai Phong city:

Số 48 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Tel: +84 225 3550598

Fax: +84 225 3550598

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Criteria

ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services

TCVN 12134:2017 Nông nghiệp hữu cơ – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận/ Organic agriculture – Requirements for certification bodies

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Period of validation

Từ ngày/from / / 2024 đến ngày/to / / 2029



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đối với các phạm vi, lĩnh vực sau/ *Certification of organic agriculture products for the following scopes and sub-scopes:*

TT No	Nhóm Scope	Phân nhóm Sub-scope	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria
1	Trồng trọt hữu cơ <i>Organic Crops</i>	Gạo hữu cơ <i>Organic Rice</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-5:2018
2		Chè hữu cơ <i>Organic Tea</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-6:2018
3		Nấm hữu cơ <i>Organic mushroom</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-11:2023
4		Rau mầm hữu cơ <i>Organic sprouts</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-12:2023
5		Trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa <i>Organic crops in greenhouses and containers</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-13:2023
6		Trồng trọt hữu cơ <i>Organic Plants/ Crops</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 Japanese Agricultural Standard for Organic Plants (notification No.1605 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of October 27, 2005) Technical Criteria for Certifying Domestic or Overseas Production Process Managers of Organic Plants and Organic Feeds (limited to those unprocessed) (notification No.1830 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of November 25, 2005)
7	Chăn nuôi hữu cơ <i>Organic Livestock</i>	Sữa hữu cơ <i>Organic Milk</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-3:2017 TCVN 11041-7:2018
8		Mật ong hữu cơ <i>Organic honey</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-3:2017 TCVN 11041-9:2023



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
 VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Nhóm Scope	Phân nhóm Sub-scope	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria
9	Chăn nuôi hữu cơ <i>Organic Livestock</i>	Chăn nuôi hữu cơ <i>Organic Livestock</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-3:2017 Japanese Agricultural Standard for Organic Livestock Products (notification No.1608 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of October 27, 2005) Technical Criteria for Certifying Domestic or Overseas Production Process Managers of Organic Livestock etc. (notification No.1832 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of November 25, 2005)
10	Thủy sản hữu cơ <i>Organic Aquaculture</i>	Tôm hữu cơ <i>Organic Milk</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-8:2018
11		Rong biển hữu cơ <i>Organic seaweed</i>	TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-10:2023
12		Tảo hữu cơ <i>Organic Algae</i>	JAS 0018 Japanese Agricultural Standard for Organic Algae
13	Thức ăn chăn nuôi hữu cơ <i>Organic Feeds</i>		TCVN 11041-1:2017 TCVN 11041-2:2017 TCVN 11041-3:2017 Japanese Agricultural Standard for Organic Feeds (notification No.1607 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of October 27, 2005) Đối với thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến/ <i>For processed feed:</i> Technical Criteria of Certifying Domestic or Overseas Production Process Managers of Organic Processed Foods and Organic Feeds (limited to those processed) (notification No.1831 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of November 25, 2005) Đối với thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật không qua chế biến/ <i>For feed from unprocessed plants:</i> Technical Criteria for Certifying Domestic or Overseas Production Process Managers of Organic Plants and Organic Feeds (limited to those unprocessed) (notification No.1830 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of November 25, 2005)



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 24 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

TT No	Nhóm Scope	Phân nhóm Sub-scope	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria
14	Thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến <i>Organic Processed Foods</i>		TCVN 11041-1:2017 Japanese Agricultural Standard for Organic Processed Foods (notification No. 18 of the Ministry of Finance and the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of September 1, 2022) Technical Criteria of Certifying Domestic or Overseas Production Process Managers of Organic Processed Foods and Organic Feeds (limited to those processed) (notification No.25 of the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of November 1, 2022)